TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Ông Nguyễn Văn Bắc

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang tạm trú tại: tổ dân phố X, thị trấn H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc D đăng ký kết hôn ngày 02/10/2016 tại UBND xã Đ, huyện Sông Lô, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh D ngay. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuẫn trầm trọng do anh D nhiều lần ham chơi điện tử trên mạng internet, cầm cố tài sản nhiều lần dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi chửi nhau. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Ngày 10/7/2018 chị về nhà mẹ đẻ ở tại thị trấn H, huyện Lập Thạch và vợ chồng sống ly thân và không quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương M, sinh ngày 22/6/2017. Hiện nay con đang ở cùng chị. Chị xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân anh D cũng không quan tâm và không có trách nhiệm với con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH PARTRON VINA và lương ổn định từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/ tháng. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị X không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc D vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị X trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phải nghỉ việc không có việc làm dẫn đến kinh tế khó khăn, do anh không có công việc, không có thu nhập và không giúp đỡ về kinh tế gia đình nên ngày 10/7/2018 chị Xuân về nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố X, thị trấn Hn, huyện Lập Thạch. Anh đã gọi điện cho chị X nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị X không đồng ý. Nay chị X xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn và nuôi dạy con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị X D là trầm trọng do kinh tế gặp khó khăn,anh D không có việc làm ổn định vợ chồng thường hay cãi chửi nhau và đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của phápluật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị X đề nghị giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao con cho chị X nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị X phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Quốc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và anh Nguyễn Quốc D kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị X không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh D nhiều lần ham chơi điện tử trên mạng internet, cầm cố tài sản nhiều lần dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi chửi nhau, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi và vợ chồng đã ly thân. Anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phải nghỉ việc không có việc làm, không có thu nhập và không giúp đỡ về kinh tế gia đình nên vợ chồng có mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng và anh đề nghị xin đoàn tụ để vợ chồng về cùng nhau nuôi dạy con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Đ thể hiện anh D không có việc làm ổn định dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn, mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh D đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin đoàn tụ của anh D là không thực tâm mà chỉ nhằm cố tình gây khó khăn cho chị Xuân để kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị X được ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh D có một con chung là Nguyễn Phương M, sinh ngày 22/6/2017, hiện nay đang sống cùng chị X. Hai bên thống nhất chị X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị X thấy rằng hiện nay chị X đang

làm công nhân tại công ty TNHH PATRON VINA và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị về việc thống nhất để chị Xđược tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị X và anh D không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X được ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương M, sinh ngày 22/6/2017. Hiện nay con đang ở với chị X. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Quốc D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0001331 ngày 16/7/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị X đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đồng Quế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng